TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HS-PT
Ngày: 18 - 02 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Nga**.**

Các Thẩm phán: Ông Thái Rết.

Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Thích - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 15/2019/TLPT-HS ngày 10 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Tô Văn L, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2018/HS-ST ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Bị cáo có kháng cáo: **Tô Văn L**; Sinh năm: 1956, tại xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tô Văn B, sinh năm 1929 (chết) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1929 (chết); Anh, chị, em có 06 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1975; Vợ: Lê Ngọc A, sinh năm 1960 (đã ly thân), Con có 01 người, (đã chết); Tiền sự: Không; Tiền án: Có 04 tiền án:

+ Ngày 16/6/1989 bị Tòa án nhân dân quận S, TP. Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm 06 tháng tù giam về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân".

+ Ngày 21/9/2000 bị Tòa phúc thẩm - TAND tối cao tại TP. Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù giam về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân".

+ Ngày 08/9/2006 bị Tòa án nhân dân quận S, TP. Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù giam về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân".

+ Ngày 17/01/2013 bị Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" (theo Bản án phúc thẩm số

45/2013/HSPT ngày 17/01/2013), bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 13/12/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/10/2018 cho đến nay (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn Bào - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: Bị hại bà Nguyễn Thị T; người làm chứng NLC1, NLC2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 16/6/2018, bị cáo Tô Văn L đi bộ đến nhà của bà Nguyễn Thị T (ở ấp L, xã T, thị xã N) để hỏi mượn tiền, nhưng bà T từ chối không cho mượn, trong lúc ngồi nói chuyện, bị cáo biết được vào ngày 14/6/2018 bà T bị kẻ gian lấy cắp 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO-A83, và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia A112, nên bị cáo liền nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà T để tiêu xài. Khoảng 13 giờ cùng ngày bị cáo đi lại gặp bà T, thì bị cáo nói dối là biết người lấy cắp 02 chiếc điện thoại, và yêu cầu bà T đưa số tiền 2.500.000đồng để bị cáo chuộc lại 02 chiếc điện thoại, nghe vậy bà T tin tưởng liền đưa cho bị cáo số tiền 2.500.000đồng để chuộc điện thoại, và cho thêm bị cáo số tiền 100.000đồng chi phí đi lại. Sau khi nhận được số tiền 2.600.000đồng của bà T bị cáo liền bỏ trốn thuê xe ôm đi ra thị trấn P, huyện T, rồi tiếp tục đón xe ô tô khách đi lên TP. Hồ Chí Minh. Ngày 20/7/2018 do sống lang thang không nơi cư trú nên bị cáo bị đưa vào Trung tâm bảo trợ xã hội TP. Hồ Chí Minh. Đến ngày 03/10/2018, bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thị xã N, tỉnh Sóc Trăng bắt tạm giam cho đến nay.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 31/2018/HS-ST ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, quyết định:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 174; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố bị cáo Tô Văn L phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Tuyên phạt bị cáo Tô Văn L 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/10/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/12/2018, bị cáo Tô Văn L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Người bào chữa cho bị cáo thống nhất với bản án sơ thẩm đã xét xử, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng thêm điểm m khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 là bị cáo phạm tội do lạc hậu, về hoàn cảnh gia đình của bị cáo là con chết, vợ ly thân, bị cáo là người già, sức khỏe bị cáo không tốt, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

- Vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo Tô Văn L được lập và nộp tại Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 18/12/2018 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo được quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận và xem xét giải quyết kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như sau: Vào ngày 16/6/2018, bị cáo Tô Văn L biết được trước đó bị hại Nguyễn Thị T bị kẻ gian lấy cắp 02 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO-A83 và hiệu Nokia A112 nên bị cáo liền nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của bị hại để tiêu xài. Để thực hiện ý định của mình, bị cáo nói dối với bị hại là biết người lấy cắp 02 chiếc điện thoại và yêu cầu bị hại đưa số tiền 2.500.000đồng để bị cáo chuộc điện thoại, bị hại tin tưởng nên đã đưa cho bị cáo số tiền 2.500.000đồng để chuộc điện thoại và cho thêm bị cáo số tiền 100.000đồng chi phí đi lại. Sau khi nhận được số tiền 2.600.000đồng của bị hại bị cáo liền bỏ trốn thuê xe ôm đi ra thị trấn P, huyện T, rồi tiếp tục đón xe ô tô khách đi lên TP. Hồ Chí Minh. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Tòa án cấp sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Trước đó, ngày 17/01/2013 bị cáo bị Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm và xử phạt 06 năm 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với tình tiết định khung tăng nặng là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 13/12/2017, tính đến ngày phạm tội (16/6/2018) bị cáo chưa được xóa án tích mà vẫn tiếp tục phạm tội, cho nên bị

cáo phạm tội lần này là Tộc trường hợp *"tái phạm nguy hiểm"*. Hành vi phạm tội của bị cáo cấu thành tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan cho bị cáo.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo: Xét thấy, khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã có xem xét, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đã xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đưa ra lý do xin giảm nhẹ hình phạt là bị cáo 63 tuổi đã già, bị cáo có bệnh huyết áp, đau dạ dày. Xét thấy, theo quy định tại điểm o, q khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự quy định "người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên", "người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình", trường hợp bị cáo chưa đến 70 tuổi, không thuộc trường hợp có bệnh theo quy định điểm q khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nêu trên, do vậy, lý do xin giảm nhẹ hình phạt bị cáo nêu là không có căn cứ chấp nhận. Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đa tuyên là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, do đó nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là áp dụng Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng điểm m khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo phạm tội do lạc hậu là không có căn cứ chấp nhận vì bị cáo buộc phải biết hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác là phạm tội và bị cáo đã có 04 tiền án về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm nhưng bị cáo được miễn do thộc diện người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác của bán án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Tô Văn L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 174; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015*;*

Xử phạt bị cáo Tô Văn L 05 (Năm) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/10/2018.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo được miễn do thuộc diện người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND thị xã N (02);
- VKSND thị xã N (01);
- Công an thị xã N (01);
- Chi cục THADS thị xã N (01);
- PHSNV - Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Bị cáo, bị hại (02);
- PKTNV-THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS - Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- PHSNV – Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sơ Tư pháp (01);
- Lưu HSVA, THS (04)*;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Tăng Thị Thúy Nga